

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC TRỌNG
TỈNH LÂM ĐỒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 80/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 26-7-2024.
V/v “Tranh chấp ly hôn”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC TRỌNG, TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Hạnh

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Lưu Văn Lợi

- Ông Nguyễn Đình Phi

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Lan Anh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà Trần Hải Yến – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số 250/2024/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 4 năm 2024 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 126/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 5 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 97/2024/QĐST-HNGĐ ngày 21 tháng 6 năm 2024 và Thông báo về việc mở phiên tòa số 102/TB-TA ngày 09 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Nguyễn Thị L** sinh năm 1979; trú tại: Thôn T, xã N, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

2. *Bị đơn:* Ông **Nguyễn Kim B** sinh năm 1984; trú tại: Thôn T, xã N, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 17/4/2024, bản tự khai và lời khai tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị L trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Nguyễn Kim B kết hôn năm 2005, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Vợ chồng

kết hôn tự nguyện, có tổ chức lễ cưới hỏi theo phong tục tập quán, sau khi cưới vợ chồng chung sống tại Thôn T, xã N, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2016 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do ông B không có trách nhiệm với gia đình đi làm có thu nhập nhưng không đóng góp nuôi con, không phụ giúp công việc gia đình và không quan tâm đến con cái dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, không tìm được tiếng nói chung. Bà đã cố gắng khuyên nhủ nhưng ông B không có sự thay đổi, bỏ đi nhiều ngày không về nhà, không thực hiện trách nhiệm đối với gia đình mức độ ngày càng trầm trọng. Nay bà xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn trầm trọng, vợ chồng không có khả năng hòa giải đoàn tụ nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với ông B.

- Về con chung: Bà và ông B có 02 con chung tên Nguyễn Thị Minh H, sinh ngày 08/12/2005 và Nguyễn Minh Q, sinh ngày 27/01/2008. Hiện nay con chung Nguyễn Thị Minh H đã thành niên, sống với ai tùy con quyết định, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết. Khi ly hôn bà yêu cầu được nuôi con chung Nguyễn Minh Q cho đến ngày thành niên và bà không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn Kim B được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không đến Tòa án làm việc và không giao nộp cho Tòa án các tài liệu, chứng cứ liên quan đến vụ án.

Tòa án đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ nhưng ông B vắng mặt không có lý do, vì vậy Tòa án tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ vắng mặt ông B và thông báo kết quả phiên họp cho ông B biết; do ông B vắng mặt nên không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Trọng:

- Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán đã thực hiện việc tuân theo pháp luật đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử và thư ký tại phiên tòa thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, bị đơn không đến tham gia phiên tòa là chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về nội dung vụ án:* Đề nghị chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà L, xử cho bà L với ông B ly hôn; giao bà L nuôi con chung Nguyễn Minh Q cho đến ngày thành niên; ông B không phải cấp dưỡng nuôi con chung; tài sản chung và nợ chung không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Đây là vụ án hôn nhân và gia đình về việc “Tranh chấp ly hôn” giữa nguyên đơn bà L với bị đơn ông B. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng.

Tại phiên tòa, bị đơn vắng mặt đến lần thứ hai dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nên căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp.

[2] Về nội dung:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Bà L và ông B kết hôn năm 2005, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng theo quy định pháp luật. Ông bà chung sống hạnh phúc đến năm 2016 phát sinh mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân mâu thuẫn theo nguyên đơn trình bày do ông B không có trách nhiệm với gia đình, không quan tâm đến con cái, mâu thuẫn giữa vợ chồng trong thời gian dài và ngày càng trầm trọng, Cuộc sống chung không hòa hợp. Xét thấy, mâu thuẫn giữa bà L với ông B đã trầm trọng, ông B không có ý kiến gì đối với yêu cầu ly hôn của bà L và không đến Tòa án làm việc, không tham gia phiên hòa giải, phiên tòa xét xử thể hiện không có thiện chí hòa giải và hàn gắn mối quan hệ hôn nhân với bà L; vợ chồng chung sống nhưng không còn sự quan tâm chăm sóc lẫn nhau, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu của bà L về việc ly hôn với ông B.

- *Về con chung:* Trong quá trình chung sống, ông bà có 02 con chung Nguyễn Thị Minh H sinh ngày 08/12/2005 và Nguyễn Minh Q sinh ngày 27/01/2008 nên ông bà đều có trách nhiệm nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì trong quá trình vợ chồng chung sống, nguyên đơn là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung đảm bảo điều kiện

phát triển mọi mặt về thể chất và tinh thần; cháu Q có nguyện vọng được ở với mẹ. Để đảm bảo cho việc ổn định cuộc sống, phát triển bình thường về thể chất, tinh thần và phù hợp với nguyện vọng của con chung cần giao bà L trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Minh Q cho đến ngày thành niên là phù hợp. Bà L không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Đối với cháu Nguyễn Thị Minh H, sinh ngày 08/12/2005 hiện nay đã thành niên, ông bà không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà L với ông B không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí: Bà L phải chịu 300.000 đồng án phí về yêu cầu ly hôn theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự năm 2008;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị L, xử cho bà Nguyễn Thị L với ông Nguyễn Kim B ly hôn.

2. Về con chung: Giao con chung Nguyễn Minh Q sinh ngày 27/01/2008 cho bà Nguyễn Thị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến ngày thành niên. Ông Nguyễn Kim B không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Quyền đi lại thăm nom con, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; quyền yêu cầu cấp dưỡng được thực hiện theo quy định Luật Hôn nhân và gia đình.

3. Về án phí: Buộc bà Nguyễn Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình, bà L đã dự nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003844 ngày 23/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng được chuyển thu.

4. Về quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Thị L có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ông Nguyễn Kim B vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Đức Trọng;
- Chi cục THADS huyện Đức Trọng;
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- UBND xã N, huyện Đ,
tỉnh Lâm Đồng (Số 74, quyền số 01/2004);
- Lưu AV, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Thị Hạnh